

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019
và kết thúc vào ngày 30/06/2019



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 43

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 5700289499 ngày 12 tháng 12 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần thay đổi lần 11 ngày 12 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND được chia thành 16.000.000 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	10.459.404	65,37%
2	Các đối tượng khác	5.540.596	34,63%
Cộng		16.000.000	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:Họ và tên:Chức vụ:

- Ông Hoàng Minh Hiếu Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Lập Ủy viên - Giám đốc
- Ông Vũ Trọng Tuấn Ủy viên - Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Trọng Tấn Ủy viên (Đến ngày 26/04/2019) (i)
- Ông Đinh Văn Chiến Ủy viên - Kế toán trưởng (Từ ngày 26/04/2019) (i)
- Ông Trần Phương Nam Ủy viên

(i): Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2019

Ban Giám đốc:Họ và tên:Chức vụ:

- Ông Nguyễn Xuân Lập Giám đốc
- Ông Đỗ Văn Kiên Phó Giám đốc
- Ông Vũ Trọng Tuấn Phó Giám đốc
- Ông Vũ Văn Huy Phó Giám đốc
- Ông Đặng Xuân Vượng Phó Giám đốc

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

- Bà Nguyễn Thị Lịch
- Bà Dương Thị Thu Phong
- Ông Nguyễn Huy Hoàng

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Lập

Số: 26 /2019/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin được lập ngày 13 tháng 8 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 được trình bày từ trang 7 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

03134
CÔ
ÁCH NH
P
VIỆ
XU

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

1064
G T
EM H
KF
NA
N -

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		683.899.465.473	405.784.231.561
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		523.551.983	468.647.782
Tiền	111	5.1	523.551.983	468.647.782
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		224.635.084.272	318.098.241.496
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	222.751.336.045	316.895.528.393
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		113.750.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.769.998.227	1.202.713.103
Hàng tồn kho	140	5.5	445.539.858.695	60.525.856.773
Hàng tồn kho	141		445.539.858.695	60.525.856.773
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.200.970.523	26.691.485.510
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	13.200.970.523	21.599.924.134
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	5.091.561.376
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.136.985.604.390	1.163.425.858.144
Các khoản phải thu dài hạn	210		33.344.569.981	30.785.823.549
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	33.344.569.981	30.785.823.549
Tài sản cố định	220		856.467.079.708	861.940.616.961
TSCĐ hữu hình	221	5.7	854.734.279.708	860.203.501.398
- Nguyên giá	222		2.446.602.313.434	2.364.062.834.231
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.591.868.033.726)	(1.503.859.332.833)
TSCĐ vô hình	227	5.8	1.732.800.000	1.737.115.563
- Nguyên giá	228		2.846.515.014	2.846.515.014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.113.715.014)	(1.109.399.451)
Tài sản dở dang dài hạn	240		223.636.364	223.636.364
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	223.636.364	223.636.364
Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.809.550.000	6.539.700.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(11.989.450.000)	(15.259.300.000)
Tài sản dài hạn khác	260		237.140.768.337	263.936.081.270
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	237.140.768.337	263.936.081.270
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.820.885.069.863	1.569.210.089.705

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.508.126.116.714	1.198.702.824.435
Nợ ngắn hạn	310		1.159.341.561.920	748.007.319.314
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	191.918.299.011	309.396.483.943
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.074.362	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	51.678.896.550	36.514.277.652
Phải trả người lao động	314		20.436.754.066	47.135.470.599
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	52.155.143.683	48.895.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	23.166.377.339	344.250.938
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	379.432.443.819	354.332.129.157
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	417.557.318.287	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		22.993.254.803	235.812.025
Nợ dài hạn	330		348.784.554.794	450.695.505.121
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	348.784.554.794	450.695.505.121
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312.758.953.149	370.507.265.270
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	312.758.953.149	370.507.265.270
Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(130.000.000)	(130.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.416.985.238	27.416.985.238
Quỹ đầu tư phát triển	418		44.783.373.846	44.783.373.846
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.688.594.065	138.436.906.186
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.563.156.186	75.369.205.937
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.125.437.879	63.067.700.249
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.820.885.069.863	1.569.210.089.705

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐÀO THỊ MY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH VĂN CHIẾN

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN LẬP

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.438.651.835.357	1.243.142.288.950
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.438.651.835.357	1.243.142.288.950
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.278.595.172.612	1.144.767.620.917
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		160.056.662.745	98.374.668.033
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.317.182	13.336.874
Chi phí tài chính	22	6.4	29.778.740.656	39.047.856.548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.048.590.656	36.431.976.548
Chi phí bán hàng	25	6.7	702.153.214	800.187.966
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	86.116.429.423	33.166.548.566
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.480.656.634	25.373.411.827
Thu nhập khác	31	6.5	2.967.484.328	2.970.300.332
Chi phí khác	32	6.6	23.402.891	20.465.673
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.944.081.437	2.949.834.659
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.424.738.071	28.323.246.486
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.299.300.192	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	-	5.668.742.432
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		37.125.437.879	22.654.504.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.320	1.416

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





ĐÀO THỊ MY

ĐINH VĂN CHIÊN

NGUYỄN XUÂN LẬP

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	46.424.738.071	28.323.246.486
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	88.013.016.456	87.725.975.709
Các khoản dự phòng	03	414.287.468.287	122.209.568.965
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.317.182)	(13.336.874)
Chi phí lãi vay	06	33.048.590.656	36.431.976.548
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	581.752.496.288	274.677.430.834
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	95.303.213.946	(75.930.626.216)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(385.014.001.922)	(78.397.891.426)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(78.013.772.391)	46.041.191.597
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	35.194.266.544	7.327.454.390
Tiền lãi vay đã trả	14	(33.042.583.025)	(36.213.808.822)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.166.087.086)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.027.049.000)	(13.828.846.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	205.986.483.354	123.674.904.135
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(87.304.644.670)	-
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.317.182	13.336.874
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(87.283.327.488)	13.336.874
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	313.751.495.116	378.256.136.428
Tiền trả nợ gốc vay	34	(390.562.130.781)	(477.748.851.743)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41.837.616.000)	(24.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(118.648.251.665)	(123.492.715.315)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	54.904.201	195.525.694
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	468.647.782	227.968.980
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	523.551.983	423.494.674

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐÀO THỊ MỸ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐINH VĂN CHIẾN



Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN LẬP

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ - BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 5700289499 ngày 12 tháng 12 năm 2018.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa thiết bị điện tử, quang học;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa biệt bị khác.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, hoạt động chính của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh than. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Đến ngày 30/06/2019, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.309 người, trong đó số cán bộ quản lý là 114 người.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn để độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tài chính áp dụng thống nhất trong Tập đoàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3513/TKV-KTTC ngày 11/07/2019 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 23.230 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.350 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.350 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---------------|
| - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Giá đích danh |
|--|---------------|

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

- | | |
|-----------------------------|--|
| - Thành phẩm | Bình quân gia quyền |
| - Chi phí SXKD dở dang than | Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------------------|------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc: | 5 - 25 năm |
| - Máy móc thiết bị: | 3 - 8 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 3 - 8 năm |
| - Thiết bị văn phòng: | 3 - 7 năm |

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất: Không trích khấu hao
- Phần mềm máy tính: 03 năm
- Vô hình khác: 6 - 20 năm

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là Tương đương tiền;
- + Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- + Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phân ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm phí cấp quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng). Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.13. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ nợ (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho một khoản lỗ hoạt động trong tương lai. Căn cứ trích lập các khoản dự phòng phải trả cụ thể như

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

sau: Chi phí bóc đất, chi phí sửa chữa lớn, chi phí cung độ vận chuyển và các chi phí khác được trích theo chỉ tiêu công nghệ theo kế hoạch kinh doanh trong năm.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2018 với mã số doanh nghiệp là 5700289499, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng và được chia thành 16.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	104.594.040.000	104.594.040.000	100%
Các cổ đông khác	55.405.960.000	55.405.960.000	100%
Cộng	160.000.000.000	160.000.000.000	100%

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ tài chính.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền**

		30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	10.891.951	100.325.951
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	512.660.032	368.321.831
Cộng		523.551.983	468.647.782
(i)	Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2019 bao gồm:		VND
	Ngoại tệ		-
	Đồng Việt Nam		10.891.951
	Cộng		10.891.951
(ii)	Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2019 bao gồm:		VND
	Đồng Việt Nam		512.660.032
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cẩm Phả		328.020.865
	Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cẩm Phả		99.961.843
	Ngân hàng Quốc tế - CN Cẩm Phả		6.101.247
	Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN - CN Cẩm Phả		2.485.512
	Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội - CN Cẩm Phả		55.140.745
	Ngân hàng Á Châu - CN Cẩm Phả		12.560.806
	Ngân hàng TMCP Petrolimex - CN Cẩm Phả		5.872.968
	Ngân hàng HD Bank - CN Cẩm Phả		2.516.046
	Ngoại tệ		-
	Tổng cộng		512.660.032

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (VND)	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30/06/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)	
Công ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả	21.799.000.000	9.809.550.000	(11.989.450.000)	21.799.000.000	12.425.430.000	(15.259.300.000)
Tổng cộng	21.799.000.000	9.809.550.000	(11.989.450.000)	21.799.000.000	12.425.430.000	(15.259.300.000)

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	222.751.336.045	316.895.528.393
Các khoản phải thu khách hàng khác	222.731.905.356	66.168.709.306
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	19.430.689	276.032.659
Cộng	222.751.336.045	316.895.528.393
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan: BIỂU SỐ 3		

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.4 Phải thu khác

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.769.998.227	-	1.202.713.103	-
BHYT, BHXH	314.701	-	-	-
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	688.742.600	-	385.775.000	-
Phải thu khác	1.080.940.926	-	816.938.103	-
b. Dài hạn	33.344.569.981	-	30.785.823.549	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	30.548.019.664	-	27.989.273.232	-
Lãi ký quỹ BVMT	2.796.550.317	-	2.796.550.317	-
Cộng	35.114.568.208	-	31.988.536.652	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	143.696.807	-	1.001.106.579	-
Công cụ, dụng cụ	13.637.658.530	-	10.850.720.366	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	320.916.305.780	-	36.944.554.240	-
Thành phẩm	110.842.197.578	-	11.729.475.588	-
Cộng	445.539.858.695	-	60.525.856.773	-

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	223.636.364	223.636.364
- Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019	223.636.364	223.636.364
Sửa chữa	-	-
Cộng	223.636.364	223.636.364

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	674.553.191.134	642.592.872.392	1.039.251.408.537	7.665.362.168	2.364.062.834.231
- Mua trong kỳ	-	24.785.000.181	57.754.479.022	-	82.539.479.203
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	674.553.191.134	667.377.872.573	1.097.005.887.559	7.665.362.168	2.446.602.313.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	244.252.814.428	455.155.430.540	801.276.828.094	3.174.259.771	1.503.859.332.833
- Khấu hao trong kỳ	37.184.557.288	23.349.004.960	26.889.516.816	585.621.829	88.008.700.893
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	281.437.371.716	478.504.435.500	828.166.344.910	3.759.881.600	1.591.868.033.726
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	430.300.376.706	187.437.441.852	237.974.580.443	4.491.102.397	860.203.501.398
Tại ngày cuối kỳ	393.115.819.418	188.873.437.073	268.839.542.649	3.905.480.568	854.734.279.708
- Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:					327.176.732.743
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:					820.520.002.615
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:					

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	1.732.800.000	502.906.014	610.809.000	2.846.515.014
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.732.800.000	502.906.014	610.809.000	2.846.515.014
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	-	498.590.451	610.809.000	1.109.399.451
- Khấu hao trong kỳ	-	4.315.563	-	4.315.563
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	502.906.014	610.809.000	1.113.715.014
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	1.732.800.000	4.315.563	-	1.737.115.563
Tại ngày cuối kỳ	1.732.800.000	-	-	1.732.800.000
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:				919.570.600

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	13.200.970.523	21.599.924.134
Chi phí sửa chữa lớn	9.260.614.937	4.983.271.122
Công cụ, dụng cụ	-	16.055.969.554
Bảo hiểm	3.940.355.586	560.683.458
b. Dài hạn	237.140.768.337	263.936.081.270
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	190.613.724.738	220.651.951.418
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	41.398.389.050	36.986.087.480
Phí sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của nhà nước	5.021.278.460	6.148.389.410
Công cụ dụng cụ	99.782.284	134.999.548
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.593.805	14.653.414
Cộng	250.341.738.860	285.536.005.404

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2019 (VND)		30/06/2019 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	140.181.586.845	140.181.586.846	249.268.010.116	233.195.033.547	156.254.563.414	156.254.563.414
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	33.051.785.173	33.051.785.173	10.988.152.620	33.051.785.173	10.988.152.620	10.988.152.620
NH TMCP Ngoại thương - CN Cẩm Phả	30.095.665.930	30.095.665.930	84.203.960.033	83.349.112.632	30.950.513.331	30.950.513.331
NH TMCP BIDV - CN Cẩm Phả	77.034.135.742	77.034.135.742	116.990.200.283	116.794.135.742	77.230.200.283	77.230.200.283
NH TMCP Quốc Tế - CN Quảng Ninh	-	-	37.085.697.180	-	37.085.697.180	37.085.697.180
b. Gốc vay dài hạn	664.846.047.433	664.846.047.433	64.483.485.000	157.367.097.234	571.962.435.199	571.962.435.199
Từ 1 đến 5 năm	221.302.135.217	221.302.135.217	-	27.367.090.900	193.935.044.317	193.935.044.317
NH TMCP Quốc tế - CN Cẩm Phả	22.630.135.217	22.630.135.217	-	11.283.090.900	11.347.044.317	11.347.044.317
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	198.672.000.000	198.672.000.000	-	16.084.000.000	182.588.000.000	182.588.000.000
Từ trên 5 năm đến 10 năm	443.543.912.216	443.543.912.216	64.483.485.000	130.000.006.334	378.027.390.882	378.027.390.882
NH TMCP Á Châu (CN Đông Đô)	45.325.860.836	45.325.860.836	-	9.712.691.334	35.613.169.502	35.613.169.502
NH TMCP BIDV - CN Cẩm Phả	28.635.799.594	28.635.799.594	-	16.500.000.000	12.135.799.594	12.135.799.594
NH TMCP Ngoại thương - CN Cẩm Phả	241.334.959.240	241.334.959.240	-	67.820.000.000	173.514.959.240	173.514.959.240
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	70.912.292.546	70.912.292.546	50.806.965.000	24.595.755.000	97.123.502.546	97.123.502.546
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	57.335.000.000	57.335.000.000	13.676.520.000	11.371.560.000	59.639.960.000	59.639.960.000
Cộng	805.027.634.278	805.027.634.278	313.751.495.116	390.562.130.781	728.216.998.613	728.216.998.613

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2019 (VND)		30/06/2019 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
NH TMCP BIDV - CN Cẩm Phả	23.500.000.000	23.500.000.000	12.135.799.594	12.135.799.594
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	14.568.000.000	14.568.000.000	12.543.000.000	12.543.000.000
NH TMCP Quốc tế - CN Cẩm Phả	15.044.121.200	15.044.121.200	11.347.044.317	11.347.044.317
NH TMCP Ngoại thương - CN Cẩm Phả	95.320.000.000	95.320.000.000	124.843.306.160	124.843.306.160
NH TMCP Á Châu (CN Đông Đô)	12.950.255.112	12.950.255.112	9.712.691.334	9.712.691.334
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	52.768.166.000	52.768.166.000	52.596.039.000	52.596.039.000
Cộng	214.150.542.312	214.150.542.312	223.177.880.405	223.177.880.405
d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính	805.027.634.278	805.027.634.278	728.216.998.613	728.216.998.613
d1 Vay và nợ ngắn hạn (d1 = a+c)	354.332.129.157	354.332.129.157	379.432.443.819	379.432.443.819
d2 Vay và nợ dài hạn (d2 = b-c)	450.695.505.121	450.695.505.121	348.784.554.794	348.784.554.794



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	191.918.299.011	191.918.299.011	309.396.483.943	309.396.483.943
Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	7.557.950.515	7.557.950.515	1.560.365.771	1.560.365.771
Chi Nhánh Công ty TNHH TB nặng MARUBEN	14.354.337.800	14.354.337.800	7.980.936.700	7.980.936.700
Công ty CP Kim khí Thành Đô	7.254.786.913	7.254.786.913	16.356.626.337	16.356.626.337
Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	10.832.424.677	10.832.424.677	9.631.959.555	9.631.959.555
Chi nhánh Công ty CP vật tư - TKV. Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	26.890.845.586	26.890.845.586	62.125.048.228	62.125.048.228
Công ty CP XNK Than Coalimex	9.242.333.000	9.242.333.000	10.701.459.925	10.701.459.925
Công ty CP Du Lịch & Thương mại - VINACOMIN	17.239.509.700	17.239.509.700	14.168.198.000	14.168.198.000
Phải trả các đối tượng khác	98.546.110.820	98.546.110.820	186.871.889.427	186.871.889.427
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	191.918.299.011	191.918.299.011	309.396.483.943	309.396.483.943
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d. Phải trả người bán là các bên liên quan: BIỂU SỐ 3				

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	9.744.205.865	56.324.725.060	55.876.326.242	10.192.604.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.483.397.138	2.166.087.086	5.317.310.052
Thuế thu nhập cá nhân	-	296.311.775	264.949.444	31.362.331
Thuế tài nguyên	24.833.494.507	210.075.917.847	202.164.683.690	32.744.728.664
Tiền thuế đất	-	5.287.706.107	5.287.706.107	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.936.577.280	16.731.663.960	15.275.350.420	3.392.890.820
Cộng	36.514.277.652	296.199.721.887	281.035.102.989	51.678.896.550
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.815.903.054	1.815.903.054	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	94.449.193	94.449.193	-	-
Tiền thuế đất	3.181.209.129	3.181.209.129	-	-
Cộng	5.091.561.376	5.091.561.376	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.13 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
a. Ngắn hạn	52.155.143.683	48.895.000
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	25.185.000	44.895.000
Chi phí dịch vụ viễn thông	-	4.000.000
Chi phí lãi vay	6.007.631	-
Chi phí thuê ngoài	44.605.442.975	-
Chi phí "Quyền sử dụng nhãn hiệu Vinacomin"	7.518.508.077	-
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>52.155.143.683</u>	<u>48.895.000</u>

5.14 Phải trả khác

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
a. Ngắn hạn	23.166.377.339	344.250.938
Kinh phí công đoàn	281.391.720	249.571.440
Kinh phí Đảng	21.501.619	26.779.498
Cổ tức cổ phần phổ thông	22.162.384.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	701.100.000	67.900.000
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>23.166.377.339</u>	<u>344.250.938</u>

5.15 Dự phòng phải trả

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>01/01/2019</u> (VND)
a. Ngắn hạn	417.557.318.287	-
Trích trước chi phí bóc đất	385.354.418.244	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	26.362.591.873	-
Trích trước chi phí cung độ vận chuyển	5.840.308.170	-
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>417.557.318.287</u>	<u>-</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ ĐT PT		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	116.069.205.937	348.139.565.021					
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	63.067.700.249	63.067.700.249	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(40.700.000.000)	(40.700.000.000)	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	138.436.906.186	370.507.265.270					
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	37.125.437.879	37.125.437.879	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(94.873.750.000)	(94.873.750.000)	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	80.688.594.065	312.758.953.149					



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	104.594.040.000	104.594.040.000
Vốn góp của các Cổ đông	55.405.960.000	55.405.960.000
Vốn khác	27.416.985.238	27.416.985.238
Cộng	187.416.985.238	187.416.985.238

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu năm	160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	160.000.000.000	160.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	64.000.000.000	24.000.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Số lượng CP đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của Công ty

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	44.783.373.846	44.783.373.846
Cộng	44.783.373.846	44.783.373.846



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.438.651.835.357	1.243.142.288.950
Doanh thu bán hàng	1.432.590.636.193	1.234.991.619.972
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.061.199.164	8.150.668.978

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.271.934.465.391	1.136.422.221.199
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.660.707.221	8.345.399.718
Cộng	1.278.595.172.612	1.144.767.620.917

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lãi tiền gửi	21.317.182	13.336.874
Cộng	21.317.182	13.336.874

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lãi tiền vay	33.048.590.656	36.431.976.548
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(3.269.850.000)	2.615.880.000
Cộng	29.778.740.656	39.047.856.548

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Thu khác	2.967.484.328	2.970.481.925
Cộng	2.967.484.328	2.970.300.332

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Thu bồi thường hao hụt do vận chuyển	8.042.590	20.306.000
Các khoản khác	15.360.301	159.673
Cộng	23.402.891	20.465.673

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	14.486.140.456	12.486.890.948
Chi phí vật liệu quản lý	2.403.633.027	1.671.509.396
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.371.621.952	2.752.117.621
Thuế phí và lệ phí	40.831.833.131	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.695.702.626	2.616.045.097
Chi phí bằng tiền khác	24.327.498.231	13.636.985.504
Cộng	86.116.429.423	33.166.548.566
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	137.093.788
Các khoản chi phí bán hàng khác	702.153.214	663.094.178
Cộng	702.153.214	800.187.966

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	442.328.396.320	375.492.520.482
Chi phí nhân công	86.245.538.277	79.470.552.397
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.013.016.456	87.725.975.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.240.624.461	328.940.425.362
Chi phí khác bằng tiền	784.472.796.812	424.758.294.474
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
Cộng	1.778.300.372.326	1.296.387.768.424

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ	1.441.640.636.867	1.246.125.926.156
Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	1.395.215.898.796	1.217.802.679.670
Chi phí không hợp lý để tính thuế TNDN	71.762.891	20.465.673
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	46.496.500.962	28.343.712.159
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	9.299.300.192	5.668.742.432
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của kỳ nay	-	(5.668.742.432)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.299.300.192	-
6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	37.125.437.879	22.654.504.054
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	37.125.437.879	22.654.504.054
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.320	1.416

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	313.751.495.116
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	390.562.130.781
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Ngày 30/06/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	523.551.983	-	523.551.983
Phải thu khách hàng	222.751.336.045	-	222.751.336.045
Trả trước cho người bán	113.750.000		113.750.000
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	1.769.998.227	33.344.569.981	35.114.568.208
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(11.989.450.000)	(11.989.450.000)
Tổng cộng	225.158.636.255	43.154.119.981	268.312.756.236
Ngày 30/06/2019			
Các khoản vay và nợ	379.432.443.819	348.784.554.794	728.216.998.613
Phải trả người bán	191.918.299.011	-	191.918.299.011
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	75.321.521.022	-	75.321.521.022
Tổng cộng	646.672.263.852	348.784.554.794	995.456.818.646
Chênh lệch thanh khoản thuần	(421.513.627.597)	(305.630.434.813)	(727.144.062.410)
Ngày 01/01/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	468.647.782	-	468.647.782
Phải thu khách hàng	316.895.528.393	-	316.895.528.393
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	1.202.713.103	30.785.823.549	31.988.536.652
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(15.259.300.000)	(15.259.300.000)
Tổng cộng	318.566.889.278	37.325.523.549	355.892.412.827
Ngày 01/01/2019			
Các khoản vay và nợ	354.332.129.157	450.695.505.121	805.027.634.278
Phải trả người bán	309.396.483.943	-	309.396.483.943
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	393.145.938	-	393.145.938
Tổng cộng	664.121.759.038	450.695.505.121	1.114.817.264.159
Chênh lệch thanh khoản thuần	(345.554.869.760)	(413.369.981.572)	(758.924.851.332)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	257.979.654.253	348.884.065.045	257.979.654.253	348.884.065.045
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	21.799.000.000	21.799.000.000	9.809.550.000	6.539.700.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	523.551.983	468.647.782	523.551.983	468.647.782
Tổng cộng	280.302.206.236	371.151.712.827	268.312.756.236	355.892.412.827
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	728.216.998.613	805.027.634.278	728.216.998.613	805.027.634.278
<i>Phải trả người bán</i>	191.918.299.011	309.396.483.943	191.918.299.011	309.396.483.943
<i>Phải trả khác</i>	75.321.521.022	393.145.938	75.321.521.022	393.145.938
Tổng cộng	995.456.818.646	1.114.817.264.159	995.456.818.646	1.114.817.264.159

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi số của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 30/06/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh than (chiếm 99% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ tài chính), do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Ông Hoàng Minh Hiếu	Hà Nội	Chủ tịch HĐQT	-
Ông Nguyễn Xuân Lập	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	-
Ông Vũ Trọng Tuấn	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc	0,077%
Ông Nguyễn Trọng Tấn	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT (Đến ngày 26/04/2019)	0,191%
Ông Đinh Văn Chiến	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng	-
Ông Đỗ Văn Kiên	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Ông Vũ Văn Huy	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Ông Đặng Xuân Vượng	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Bà Nguyễn Thị Lịch	Hà Nội	Trưởng Ban kiểm soát	-
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	-
Ông Dương Thu Phong	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	-
Công ty CN hoá chất Mỏ Quảng Ninh	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP vật tư - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Giám định - VINACOMIN	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Than Cao Sơn - VINACOMIN	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP du lịch & thương mại Vinacomín	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP XNK Than - VINACOMIN	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Công ty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Bệnh viện Than - Khoáng sản	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP tin học công nghệ môi trường - VINACOMIN	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tạp chí Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP than Đèo Nai - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Than Hạ Long - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP - Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP kinh doanh Than Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	65,37%

Thu nhập trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	635.040.000	626.640.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	135.960.000	131.580.000
Thù lao và thưởng của Ban kiểm soát	78.840.000	78.840.000
Cộng	849.840.000	837.060.000

Số dư tại ngày 30/06/2019 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/06/2019 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

- Biểu số 01: Tổng hợp mua vật tư hàng hoá, dịch vụ trong nội bộ tập đoàn.
- Biểu số 02: Bảng kê than bán nội bộ tập đoàn.
- Biểu số 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên bảng cân đối kết toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF.

Số liệu dùng để so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF.

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 8 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐÀO THỊ MY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH VĂN CHIẾN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN LẬP

TỔNG HỢP MUA VẬT TƯ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
	Tổng mua	388.045.799.295
1	Chi nhánh Công ty CP vật tư - TKV. XN vật tư Cẩm Phả	223.569.851.142
	Vật tư	223.569.851.142
2	Công ty CP Giám định - Vinacomin	646.299.214
	Dịch vụ	646.299.214
3	Công ty CP XNK Than - Vinacomin	14.734.120.000
	Vật tư	14.734.120.000
4	Công ty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	6.131.220.081
	Dịch vụ	6.131.220.081
5	Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	22.554.042.131
	Vật tư	2.237.614.500
	Dịch vụ	20.316.427.631
6	Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	25.647.000
	Dịch vụ	25.647.000
7	Bệnh viện Than - Khoáng sản	609.242.100
	Dịch vụ	609.242.100
8	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	2.787.686.630
	Dịch vụ	2.787.686.630
9	Chi nhánh Hà Nội. Công ty CP vật tư -TKV	150.700.000
	Vật tư	150.700.000
10	Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	9.539.308.994
	Vật tư	518.779.600
	Dịch vụ	9.020.529.394
11	Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Cẩm Phả	106.653.910.181
	Dịch vụ	106.653.910.181
12	CN công ty CP Vật tư - TKV - XN vật tư Hòn Gai	305.260.000
	Vật tư	305.260.000
13	Công ty than Hạ Long - TKV	267.870.822
	Dịch vụ	267.870.822
14	Công ty CP than Đèo Nai - Vinacomin	70.641.000
	Dịch vụ	70.641.000

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





ĐÀO THỊ MỸ

ĐINH VĂN CHIẾN

NGUYỄN XUÂN LẬP

BẢNG KÊ DOANH THU BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

TT	Tên đơn vị mua	Doanh thu	
		Số lượng (tấn)	Giá trị VNĐ
A	B		
1	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin		1.435.377.812.715
	Than	988.409,06	1.432.590.636.193
	Dịch vụ		2.787.176.522
2	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV		473.414.560
	Phế liệu		473.414.560
3	CN Công ty CP vật tư - TKV. XN vật tư Cẩm Phả		22.020.589
	Điện		22.020.589
4	Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin		738.056.000
	Vật tư		738.056.000
	Tổng cộng		1.436.611.303.864

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO THỊ MY

ĐINH VĂN CHIẾN

NGUYỄN XUÂN LẬP

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	338	228	Dư có 331
A	PHẢI THU	222.731.905.356	688.742.600	-	-
I	NGẮN HẠN	222.731.905.356	688.742.600	-	-
1	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	222.731.905.356	-	-	-
2	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	688.742.600	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
B	ĐẦU TƯ	-	-	21.799.000.000	-
I	NGẮN HẠN	-	-	-	-
II	DÀI HẠN	-	-	21.799.000.000	-
1	TKV	-	-	21.799.000.000	-
C	PHẢI TRẢ	-	-	-	66.479.176.911
I	NGẮN HẠN	-	-	-	66.479.176.911
1	CN.Công ty CP vật tư - TKV. XN vật tư Cẩm Phả	-	-	-	26.890.845.586
2	Công ty CP Giám định - Vinacomin	-	-	-	382.781.657
3	Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Công ty Than Hạ Long - TKV	-	-	-	147.328.952
4	Công ty CP XNK Than - Vinacomin	-	-	-	9.242.333.000
5	Công ty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	-	-	-	1.160.944.906
6	Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	-	-	-	7.557.950.515
7	Công ty CP kinh doanh Than Cẩm Phả	-	-	-	3.125.755.036,00
8	Bệnh viện Than - Khoáng sản	-	-	-	103.787.475,00
9	Công ty CP tin học công nghệ môi trường -VINACOMIN	-	-	-	208.975.250
10	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	-	-	-	10.832.424.677
11	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	-	-	25.647.000
12	Công ty CP Địa chất mỏ - TKV	-	-	-	6.337.167.887
13	Chi nhánh Hà Nội. Công ty CP vật tư - TKV	-	-	-	384.087.220
14	Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	-	-	-	53.246.050

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



ĐÀO THỊ MY

ĐINH VĂN CHIẾN

NGUYỄN XUÂN LẬP